TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-PT
Ngày 09 - 01 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt
Các Thẩm phán: Ông Bùi Anh Tuấn
Ông Lê Thanh Hùng

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 29/2019/TLPT-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về vệc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

Do Bản án sơ thẩm số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Ấp Z, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở hiện nay: Khóm A, Phường Y, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, Luật sư của Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Châu Văn B sinh năm 1988; Cư trú: Ấp Z, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng cũng như lời trình bày tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A và bị đơn anh Châu Văn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị A và bị đơn anh Châu Văn B kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/01/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên cự cải với nhau do bất đồng quan điểm và không còn tình thương dành cho nhau. Xét cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh B, anh B cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị A và anh B thống nhất xác định trong thời gian chung sống, anh chị có 02 con chung tên Châu Quyền T, sinh ngày 30/4/2011 và Châu Tường V, sinh ngày 29/6/2013, hiện tại cả hai con đang sống chung với anh B.

Khi ly hôn chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng Châu Tường V, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con và chị A đồng ý giao Châu Quyền T cho anh B nuôi dưỡng, chị A không cấp dưỡng nuôi con cho anh B. Anh B yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cả hai cháu Quyền T và Tường V, anh không yêu cầu chị A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh B và chị A đều xác định về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Châu Văn B.

2. Về con chung: Giao Châu Quyền T, sinh ngày 30/4/2011 và Châu Tường V, sinh ngày 29/6/2013 cho anh Châu Văn B trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Châu Văn B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên chị Nguyễn Thị A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị A chịu 300.000 đồng. Chị A nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0012965, ngày 10/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nay chuyển thu.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn chị Nguyễn Thị A kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xem xét giải quyết, chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Châu Quyền T và Châu Tường V, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị A rút một phần nội dung kháng cáo, chỉ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Tường V, đồng ý giao cháu Châu Quyền T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của cháu T.

Ý kiến của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Giữa chị A và anh B trước khi ly hôn đã thỏa thuận mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng một con chung, cháu V còn nhỏ và là cháu gái, điều kiện kinh tế cả chị A và anh B đều đảm bảo nhưng điều kiện về thời gian thì chị A có điều kiện nhiều hơn anh B. Đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị A, giao cháu V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đối với việc rút một phần nội dung kháng cáo của chị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Đối với yêu cầu kháng cáo của chị A xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, xét thấy cháu V sống chung với anh B từ nhỏ và phát triển bình thường nên để ổn định tâm lý và điều kiện học tập cho cháu V, cần tiếp tục giao cháu V cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị A, giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Tại quyết định của bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Châu Văn B; không xử lý tài sản chung, nợ chung do các đương sự không yêu cầu. Xét thấy, chị A và anh B không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Xét nội dung kháng cáo của chị Nguyễn Thị A về quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A rút 01 phần kháng cáo về việc yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, chỉ yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu V, đồng ý giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng: Xét thấy, việc rút một phần nội dung kháng cáo của chị A là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin trực tiếp nuôi dưỡng cháu T theo quy định tại khoản 3 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình về việc xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên, cháu Châu Quyền T, sinh ngày 30/4/2011 trên 07 tuổi nên cần xem xét nguyện vọng của cháu T. Tại Bản tự khai (BL 31) và Biên bản lấy lời khai (BL 47) cháu T có nguyện vọng được chung sống với cha. Đối với cháu Châu Tường V, sinh ngày 29/6/2013 dưới 07 tuổi nên chưa đến tuổi pháp luật quy định phải hỏi ý kiến của cháu và việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của người nuôi dưỡng, đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con chung. Xét thấy, anh B và chị A đều có thu nhập ổn định, đều đảm bảo điều kiện kinh tế để nuôi con. Tuy hiện nay cả hai cháu T và V đều do anh B trực tiếp chăm sóc nhưng tại phiên tòa phúc thẩm chính anh Đảm thừa nhận khi chị A và anh B ly thân thì chị A trở về nhà cha mẹ ruột của chị ở và cháu T đi cùng chị A, chị A đã chăm sóc cháu T tốt và cháu T được đi học như các bạn cùng độ tuổi, chị A có cung cấp Sổ liên lạc của cháu T hoàn thành chương trình học lớp 2 năm B mới làm thủ tục chuyển trường cho cháu T về thị xã G (BL 36). Như vậy, chị A vẫn thực hiện quyền và nghĩa vụ của mẹ đối với các con. Mặt khác, pháp luật quy định việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là nghĩa vụ và quyền của cả cha và mẹ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm giao cả 02 cháu T và V cho anh B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là chưa phù hợp, cần đảm bảo quyền được nuôi dưỡng con cho chị A.

[5] Do cháu T có nguyện vọng sống chung với anh B, hiện nay cháu cũng đã theo học tại trường tiểu học ở thị xã G, tỉnh Bạc Liêu nên cần giữ ổn định cho cháu, tại Tòa phúc thẩm chị A cũng đồng ý giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng nên tiếp tục giao cháu T cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu V còn nhỏ tuổi, lại là cháu gái nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ, thực tế, từ khi cháu V được sinh ra đến khi chị A và anh B ly thân (đầu năm 2019) cháu V cũng được sự chăm sóc trực tiếp của chị A. Do đó, cần buộc anh B giao cháu V cho chị A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chấp nhận kháng cáo của chị A và đề xuất của vị luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị A, sửa một phần án sơ thẩm, buộc anh B giao cháu V cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng.

[6] Nếu trong quá trình anh B, chị A trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh chị có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của chị A, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10

năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu là chưa phù hợp, chưa đảm bảo quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị A và sự phát triển tốt nhất cho cháu V nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật. Án phí dân sự phúc thẩm chị Nguyễn Thị A không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 289 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Bé về việc trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Quyền T.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị A, sửa một phần Bản án Hôn nhân và gia đình số 67/2019/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào các Điều 51, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị A và anh Châu Văn B.

2. Về con chung: Giao Châu Quyền T, sinh ngày 30/4/2011 cho anh Châu Văn A trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T đang sống chung với anh B được giữ nguyên.

Giao Châu Tường V, sinh ngày 29/6/2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Buộc anh Châu Văn B giao cháu Châu Tường V, sinh ngày 29/6/2013 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Châu Văn B và chị Nguyễn Thị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Anh Châu Văn B và chị Nguyễn Thị A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Thị A chịu 300.000 đồng. Chị A nộp tạm ứng 300.000 đồng tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số 0012965 ngày 10/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu, nay chuyển thu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm chị Nguyễn Thị A không phải nộp, chị A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0001281 ngày 28/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- TAND thị xã G (01 bản);
- CCTHADS thị xã G (01 bản);
- Các đương sự (02 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Minh Nguyệt